



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
International Auditing Company Limited



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ AN GIANG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đồng Trọng Nghĩa	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 14/01/2021, giữ vị trí thành viên từ ngày 22/05/2020 đến ngày 14/01/2021)
Ông Trần Vạn Tuấn Anh	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 14/01/2021)
Ông Nguyễn Chí Thành	Thành viên
Ông Trần Văn Thái	Thành viên
Ông Lê Thanh Vân	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Ngọc	Thành viên (miễn nhiệm ngày 22/05/2020)

Ban Kiểm soát

Ông Quách Kim Long	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thanh Vi	Thành viên
Ông Nguyễn Thành Nghê	Thành viên (bổ nhiệm ngày 06/10/2020)
Bà Phan Thị Ngọc Lan Thanh	Thành viên (miễn nhiệm ngày 06/10/2020)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Chí Thành	Giám đốc
Ông Trần Văn Thái	Phó Giám đốc
Ông Lê Thanh Vân	Phó Giám đốc
Ông Huỳnh Văn An	Phó Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Chí Thành - Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Nguyễn Chí Thành
Giám đốc
Ngày 23 tháng 3 năm 2021



Số: 1184/2021/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 23 tháng 3 năm 2021, từ trang 5 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh số V.19 của bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng thể hiện rằng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty còn phải trả Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP (VEAM) số tiền nợ vay là 6 tỷ đồng. Khoản vay này đã đến hạn thanh toán vào ngày 16 tháng 11 năm 2012. Đến thời điểm hiện tại, Công ty và VEAM chưa thực hiện ký kết các phụ lục hợp đồng hoặc thỏa thuận gia hạn nợ. Tuy nhiên theo Biên bản đối chiếu công nợ giữa hai bên vào ngày 14 tháng 1 năm 2021 cho thấy VEAM đã nhiều lần yêu cầu Công ty thu xếp các nguồn thu để thanh toán dứt điểm số dư nợ nêu trên. Công ty cam kết trong năm 2021 sẽ thanh toán cho VEAM số tiền 3 tỷ đồng, số còn lại sẽ được thanh toán tiếp khi cân đối được nguồn thu.

Ngoài ra, chúng tôi cũng lưu ý người đọc đến Thuyết minh số VI.3 và chính sách kế toán có liên quan của Công ty thể hiện rằng khoản lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Liên doanh Antraco được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phần sở hữu của Công ty trong kết quả kinh doanh trong năm của Công ty liên doanh. Giá trị lợi nhuận Công ty ghi nhận đã được đối chiếu và xác nhận bởi công ty liên doanh.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nhấn mạnh nêu trên.



Lương Giang Thạch
Phó Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2178-2018-072-1

Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Chi nhánh Sài Gòn

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 3 năm 2021



Trần Thị Xuân Tước
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số N.4184-2018-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		102.394.094.074	106.652.284.810
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		5.164.008.732	7.434.829.590
1. Tiền	111	V.1	5.164.008.732	7.434.829.590
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		83.972.073.755	83.559.112.409
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	63.774.110.460	62.706.955.218
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	915.068.567	344.500.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	300.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	20.079.110.887	22.294.443.800
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(796.216.159)	(2.086.786.609)
III. Hàng tồn kho	140	V.6	13.258.011.587	15.608.165.003
1. Hàng tồn kho	141		14.522.618.509	16.940.674.630
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.264.606.922)	(1.332.509.627)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	50.177.808
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.7.a	-	50.177.808
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		45.590.011.126	72.456.993.950
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.000.000.000	2.000.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.8	2.000.000.000	2.000.000.000
II. Tài sản cố định	220		16.577.601.828	15.212.040.032
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	16.577.601.828	15.212.040.032
- Nguyên giá	222		38.018.569.977	34.699.908.913
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.440.968.149)	(19.487.868.881)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		65.000.000	65.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(65.000.000)	(65.000.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.565.843.521	29.588.969.780
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	1.565.843.521	29.588.969.780
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.12	21.934.912.420	21.792.642.400
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	14.584.859.059	14.584.859.059
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	7.956.213.357	7.956.213.357
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.12	(606.159.996)	(748.430.016)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.511.653.357	3.863.341.738
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	3.131.982.904	3.211.976.654
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.14	379.670.453	651.365.084
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		147.984.105.200	179.109.278.760


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		55.703.505.553	97.055.903.085
I. Nợ ngắn hạn	310		55.613.505.553	96.965.903.085
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	12.595.522.480	11.070.405.492
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	474.815.126	34.097.127.600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.7.b	2.062.948.334	1.193.148.690
4. Phải trả người lao động	314		1.179.884.300	1.076.853.625
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	6.181.526.644	9.885.850.850
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18.a	7.594.892.671	7.594.892.671
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19.a	22.000.000.000	28.952.149.877
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.523.915.998	3.095.474.280
II. Nợ dài hạn	330		90.000.000	90.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.18.b	90.000.000	90.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19.b	-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		92.280.599.647	82.053.375.675
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.20	92.208.063.744	81.964.836.772
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		32.864.040.000	32.864.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		32.864.040.000	32.864.040.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.148.085.349	15.344.831.574
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		3.345.401.587	3.345.401.587
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		37.850.536.808	30.410.563.611
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		23.837.755.611	17.882.222.614
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		14.012.781.197	12.528.340.997
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		72.535.903	88.538.903
1. Nguồn kinh phí	431		72.535.903	88.538.903
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		147.984.105.200	179.109.278.760


 Phan Thị Ngọc Lan Thanh
 Người lập biểu


 Phan Thị Ngọc Lan Thanh
 Phụ trách kế toán


 Nguyễn Chí Thành
 Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2021




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2020	2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		113.593.660.558	109.095.573.940
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		98.567.980	22.500.000
3. Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	VI.1	113.495.092.578	109.073.073.940
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	94.826.892.002	88.424.567.289
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		18.668.200.576	20.648.506.651
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	19.102.167.043	17.097.935.490
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.125.783.938	2.859.278.002
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.197.003.764	2.106.597.466
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.192.471.312	2.035.846.297
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	14.419.921.745	15.094.727.715
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		20.032.190.624	17.756.590.127
11. Thu nhập khác	31	VI.7	466.771.236	229.323.987
12. Chi phí khác	32		205.002	92.481.301
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		466.566.234	136.842.686
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		20.498.756.858	17.893.432.813
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	307.773.480	579.993.368
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.14	271.694.631	(196.775.482)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		19.919.288.747	17.510.214.927


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu


Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Phụ trách kế toán




Nguyễn Chí Thành
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		2020	2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	20.498.756.858	17.893.432.813
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.953.099.268	2.015.247.308
Các khoản dự phòng	03	(1.500.743.175)	1.248.592.246
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	11.840.705	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(19.061.337.160)	(17.090.511.714)
Chi phí lãi vay	06	1.197.003.764	2.106.597.466
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.098.620.260	6.173.358.119
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	(1.699.510.913)	4.148.728.228
Giảm/(tăng) hàng tồn kho	10	2.418.056.121	9.260.660.772
Tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(33.475.966.783)	13.745.535.057
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	79.993.750	421.014.831
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.277.506.466)	(2.106.597.466)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(579.993.368)	(207.253.243)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	74.800.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.690.815.057)	(3.220.090.628)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(35.127.122.456)	28.290.155.670
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.363.904.585)	(26.317.002.392)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	29.080.049.991	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	300.000.000	500.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	21.376.076.876	23.334.852.133
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	46.392.222.282	(2.482.150.259)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	62.885.241.934	50.933.672.570
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(69.837.391.811)	(69.994.638.583)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.572.808.000)	(6.572.808.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(13.524.957.877)	(25.633.774.013)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(2.259.858.051)	174.231.398
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.434.829.590	7.260.598.192
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(10.962.807)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5.164.008.732	7.434.829.590

Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Phụ trách kế toán


Nguyễn Chí Thành
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600111049 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 7 tháng 12 năm 2007 và qua các lần thay đổi.

Công ty Cổ phần Cơ khí An Giang được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Cơ khí An Giang theo nghị định số 187/2004/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16 tháng 11 năm 2004.

Vốn điều lệ của Công ty là 32.864.040.000 VND, được chia thành 3.286.404 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Trụ sở chính của Công ty tại số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 149 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019: 151).

Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa; sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện; đúc sắt thép và các ngành nghề khác theo hồ sơ đăng ký kinh doanh.

Hoạt động chính của Công ty trong năm là xây dựng cầu các loại, sản xuất máy gặt lúa các loại và bán lẻ các linh kiện liên quan đến máy gặt lúa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào hai (02) công ty con và một (01) công ty liên doanh. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Công ty con				
1. Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang	Tỉnh An Giang	100%	100%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	Tỉnh An Giang	100%	100%	Sản xuất các cấu kiện kim loại
Công ty liên doanh				
1. Công ty TNHH Liên doanh Antraco	Tỉnh An Giang	49%	50%	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020***II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)***Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh******Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vốn vào đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư được trích lập khi các khoản đầu tư này có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính riêng. Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 48/2019/TT-BTC ngày 8 tháng 8 năm 2019.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập báo cáo tài chính riêng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước gồm khoản sửa chữa tài sản, giải phóng mặt bằng và các khoản chi phí trả trước khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Các khoản chi phí trả trước** (tiếp theo)

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên báo cáo tài chính riêng dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biếu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU** (tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu** (tiếp theo)*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Lợi nhuận từ công ty liên doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phần sở hữu của Công ty trong kết quả kinh doanh trong năm của Công ty liên doanh.

Lợi nhuận từ các khoản đầu tư khác được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lợi nhuận đó.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư 200 và Thông tư 53. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Ngoại tệ** (tiếp theo)

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày này theo nguyên tắc sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng. Đối với các Khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng;

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhưng không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**Thuế** (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	250.921.721	263.126.350
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.913.087.011	7.171.703.240
Cộng	5.164.008.732	7.434.829.590

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Khách hàng là bên liên quan	16.719.618.074	6.237.607.074
Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang	8.536.231.660	6.237.607.074
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	8.183.386.414	-
Khách hàng khác	47.054.492.386	56.469.348.144
Công ty Cổ phần Xây dựng An Đại Lộc	5.616.002.156	7.419.066.300
Ban Quản lý Dự án Đầu tư và Xây dựng huyện Thoại Sơn	1.890.491.000	5.353.952.000
Phòng Kinh tế Hạ Tầng - huyện Thoại Sơn	411.270.000	8.644.284.636
Các khoản phải thu khách hàng khác	39.136.729.230	35.052.045.208
Cộng	63.774.110.460	62.706.955.218

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**3. Trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thiết bị Mê Kông - Chi nhánh Cần Thơ	787.680.000	-
Công ty TNHH NN MTV Diesel Sông Công	-	130.000.000
Công ty Cổ phần Xích líp Đông Anh	-	70.000.000
Các khoản trả trước cho người bán khác	127.388.567	144.500.000
Cộng	915.068.567	344.500.000

Trong đó, trả trước cho người bán là bên liên quan

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	3.004.806	-
--	-----------	---

4. Phải thu khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu lợi nhuận từ công ty liên doanh	18.986.566.937	21.264.120.697
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	600.667.000	600.667.000
Phải thu về cổ phần hóa	298.339.936	298.339.936
Tạm ứng cho nhân viên	91.000.000	74.000.000
Phải thu lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	48.866.167
Phải thu ngắn hạn khác	102.537.014	8.450.000
Cộng	20.079.110.887	22.294.443.800

Trong đó, phải thu các bên liên quan

Công ty TNHH Liên doanh Antraco	18.986.566.937	21.307.620.197
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	8.450.000	8.450.000
Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang	-	5.366.667
Cộng	18.995.016.937	21.321.436.864

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

5. Nợ xấu

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc thể thu hồi VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	966.054.757	169.838.598	(796.216.159)	111.012.368
			2.197.798.977	(2.086.786.609)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**6. Hàng tồn kho**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	5.858.151.669	-	6.219.115.621	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	11.618.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.380.846.864	-	3.484.694.538	-
Thành phẩm	1.902.856.024	(1.264.606.922)	4.295.403.900	(1.332.509.627)
Hàng hóa	2.380.763.952	-	2.929.842.571	-
Cộng	14.522.618.509	(1.264.606.922)	16.940.674.630	(1.332.509.627)

7. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	50.177.808	50.177.808	-	-
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	613.155.322	5.427.898.241	4.288.306.709	1.752.746.854
Thuế xuất nhập khẩu	-	66.611.048	66.611.048	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	579.993.368	307.773.480	579.993.368	307.773.480
Thuế thu nhập cá nhân	-	558.736.871	556.308.871	2.428.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	1.638.755.398	1.638.755.398	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	1.193.148.690	8.002.775.038	7.132.975.394	2.062.948.334

8. Phải thu về cho vay

Khoản phải thu về cho vay là khoản hỗ trợ vốn cho Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên - Công ty con của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2020	13.233.388.486	17.213.488.049	4.059.756.014	193.276.364	34.699.908.913
Mua trong năm	-	3.226.485.455	-	-	3.226.485.455
Xây dựng cơ bản hoàn thành	92.175.609	-	-	-	92.175.609
Tại ngày 31/12/2020	13.325.564.095	20.439.973.504	4.059.756.014	193.276.364	38.018.569.977
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2020	7.773.274.666	7.935.778.689	3.633.413.665	145.401.861	19.487.868.881
Khấu hao trong năm	440.510.374	1.258.772.644	222.188.977	31.627.273	1.953.099.268
Tại ngày 31/12/2020	8.213.785.040	9.194.551.333	3.855.602.642	177.029.134	21.440.968.149
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2020	5.460.113.820	9.277.709.360	426.342.349	47.874.503	15.212.040.032
Tại ngày 31/12/2020	5.111.779.055	11.245.422.171	204.153.372	16.247.230	16.577.601.828

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 8.500.693.116 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 là 6.218.605.157 VND).

Công ty đã sử dụng nhà xưởng, máy móc thiết bị để thế chấp cho các khoản vay và nợ. Nguyên giá và giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đem đi thế chấp tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 lần lượt là 8.867.891.105 đồng và 2.648.393.322 đồng. Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 lần lượt là 8.867.891.105 đồng và 2.931.545.138 đồng (xem thêm tại thuyết minh V.19).

Tài sản cố định hữu hình của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết, không sử dụng và đang chờ thanh lý với nguyên giá là 143.622.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm kế toán VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 31/12/2020	65.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 31/12/2020	65.000.000
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2020 và tại ngày 31/12/2020	-

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời	1.045.243.521	-
Khu dân cư Cơ khí An Giang	520.600.000	520.600.000
Chi phí xây dựng, sửa chữa Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe ô tô (i)	-	29.068.369.780
Cộng	1.565.843.521	29.588.969.780

(i) Dự án Xây dựng trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe ô tô được thực hiện theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty với Công ty TNHH Toyota Cần Thơ (TCTC). TCTC có trách nhiệm góp vốn để sửa chữa trung tâm này. Sau khi hoàn thành việc xây dựng, sửa chữa, cải tạo và trang bị cho Trung tâm, Công ty đã thực hiện chuyển giao tài sản cho Công ty TNHH Toyota Cần Thơ để toàn quyền quản lý và sử dụng cho các mục tiêu của dự án (xem thêm tại *Thuyết minh VII.2*).

Mặc dù tài sản đã chuyển giao cho TCTC sử dụng nhưng Giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình vẫn do Công ty đứng tên do công trình nằm trên đất Công ty thuê của Nhà nước và trả tiền thuê hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**12. Đầu tư tài chính dài hạn****a. Đầu tư vào công ty con**

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang	10.000.000.000	-	(i)	10.000.000.000	-	(i)
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	4.584.859.059	(606.159.996)	(i)	4.584.859.059	(748.430.016)	(i)
Cộng	14.584.859.059	(606.159.996)		14.584.859.059	(748.430.016)	

b. Đầu tư vào công ty liên doanh

	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH Liên doanh Antraco	7.956.213.357	-	(i)	7.956.213.357	-	(i)

(i) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**13. Chi phí trả trước**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí giải phóng mặt bằng chờ phân bổ (i)	2.083.333.334	2.291.666.667
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	938.183.112	715.157.994
Chi phí sửa chữa tài sản	110.466.458	205.151.993
Cộng	3.131.982.904	3.211.976.654

(i) Đây là chi phí đầu tư xây dựng Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe ô tô (không bao gồm chi phí thuê đất) được sử dụng để góp vốn vào hợp đồng hợp tác kinh doanh với TCTC (xem chi tiết tại Thuyết minh số VII.2)

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Các khoản dự phòng VND
Tại ngày 01/01/2019	454.589.602
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	(196.775.482)
Tại ngày 01/01/2020	651.365.084
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để tính thuế hoãn lại	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	271.694.631
Tại ngày 31/12/2020	379.670.453
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng	271.694.631

15. Phải trả cho người bán ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Người bán là bên liên quan	4.573.961.853	4.573.961.853	8.409.469.002	8.409.469.002
Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang	2.707.605.853	2.707.605.853	8.394.525.002	8.394.525.002
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	1.866.356.000	1.866.356.000	14.944.000	14.944.000
Người bán khác	8.021.560.627	8.021.560.627	2.660.936.490	2.660.936.490
Kokura Tetsudo Co.Ltd.	2.381.184.000	2.381.184.000	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Cơ khí Hiếu Hạnh	1.407.891.978	1.407.891.978	519.140.200	519.140.200
Phải trả nhà cung cấp khác	4.232.484.649	4.232.484.649	2.141.796.290	2.141.796.290
Cộng	12.595.522.480	12.595.522.480	11.070.405.492	11.070.405.492

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Noun Sam Bat	180.000.000	-
Công ty TNHH Hoàng Việt Thắng	70.000.000	-
Công ty TNHH Trường Phát	55.032.000	-
Ủy ban Nhân dân Thị trấn Cờ Đỏ	50.000.000	-
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	-	31.890.007.200
Các khách hàng khác	119.783.126	2.207.120.400
Cộng	474.815.126	34.097.127.600

Trong đó, người mua trả tiền trước là bên liên quan

Công ty TNHH Liên doanh Antraco	-	210.000.000
---------------------------------	---	-------------

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí sản xuất, thi công công trình	6.117.029.346	8.736.350.850
Chi phí lãi vay	19.497.298	1.100.000.000
Chi phí phải trả khác	45.000.000	49.500.000
Cộng	6.181.526.644	9.885.850.850

Trong đó, chi phí phải trả với các bên liên quan

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	-	1.100.000.000
--	---	---------------

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải trả về cổ phần hoá	7.134.811.183	7.134.811.183
Lợi nhuận phải trả	406.081.488	406.081.488
Phải trả ngắn hạn khác	54.000.000	54.000.000
Cộng	7.594.892.671	7.594.892.671

b. Dài hạn

Ký quỹ, ký cược dài hạn	90.000.000	90.000.000
-------------------------	------------	------------

Trong đó, phải trả khác với các bên liên quan

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	406.081.488	406.081.488
Công ty TNHH MTV Cơ Khí Long Xuyên	54.000.000	54.000.000
Cộng	460.081.488	460.081.488

(i) Đây là lợi nhuận liên doanh trước khi thực hiện cổ phần hóa phải trả cho Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2020		Phát sinh trong năm		01/01/2020	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	16.000.000.000	16.000.000.000	62.885.241.934	67.339.534.762	20.454.292.828	20.454.292.828
Cộng	16.000.000.000	16.000.000.000	62.885.241.934	67.339.534.762	20.454.292.828	20.454.292.828
Cộng: Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	6.000.000.000	6.000.000.000			8.497.857.049	8.497.857.049
Cộng	22.000.000.000	22.000.000.000			28.952.149.877	28.952.149.877

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2020		Phát sinh trong năm		01/01/2020	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	6.000.000.000	6.000.000.000	-	2.497.857.049	8.497.857.049	8.497.857.049
Cộng	6.000.000.000	6.000.000.000	-	2.497.857.049	8.497.857.049	8.497.857.049
Trừ: Các khoản vay và nợ dài hạn phải trả trong vòng 12 tháng tới	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)			(8.497.857.049)	(8.497.857.049)
Tổng cộng	-	-	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**19. Vay và nợ thuê tài chính** (tiếp theo)**Thông tin bổ sung cho các khoản vay**

Bên cho vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh An Giang	6 tháng	03/05/2021	Theo từng giấy nhận nợ, lãi suất trong năm là 7%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Tài sản trên đất và máy móc thiết bị đang được sử dụng tại địa chỉ số 839 Trần Hưng Đạo, tổ 13, khóm Bình Thới 1, phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	1 năm	Đã đến hạn thanh toán	5,00%	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Không có tài sản thế chấp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2019	32.864.040.000	13.003.894.609	3.345.401.587	24.455.030.614	73.668.366.810
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	17.510.214.927	17.510.214.927
Chia cổ tức	-	-	-	(6.572.808.000)	(6.572.808.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	2.340.936.965	-	(2.340.936.965)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(2.640.936.965)	(2.640.936.965)
Tại ngày 01/01/2020	32.864.040.000	15.344.831.574	3.345.401.587	30.410.563.611	81.964.836.772
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	19.919.288.747	19.919.288.747
Chia cổ tức	-	-	-	(6.572.808.000)	(6.572.808.000)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển (i)	-	2.803.253.775	-	(2.803.253.775)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	(3.103.253.775)	(3.103.253.775)
Tại ngày 31/12/2020	32.864.040.000	18.148.085.349	3.345.401.587	37.850.536.808	92.208.063.744

(i) Các quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm trích từ lợi nhuận trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 theo kế hoạch phân phối lợi nhuận 2020 do Đại hội đồng Cổ đông 2020 phê duyệt. Số liệu cuối cùng về việc trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi sẽ được Công ty ghi nhận căn cứ vào quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trong cuộc họp thường niên sắp tới.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**20. Vốn chủ sở hữu** (tiếp theo)**b. Cổ phiếu**

	31/12/2020	01/01/2020
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.286.404	3.286.404
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	3.286.404	3.286.404
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.286.404	3.286.404
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.286.404	3.286.404
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.286.404	3.286.404
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/Cổ phiếu		

c. Cổ tức

Trong năm, Công ty thực hiện việc chia cổ tức năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 22 tháng 5 năm 2020 với tỷ lệ 20% trên mệnh giá, tương đương với số tiền là 6.572.808.000 đồng. Cổ tức năm 2020 sẽ được ghi nhận trong niên độ kế toán tiếp theo khi Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt trong cuộc họp thường niên sắp tới.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	2020	2019
	VND	VND
Doanh thu xây dựng các loại cầu	50.943.195.956	83.546.851.240
Doanh thu bán thành phẩm	58.395.274.329	19.973.553.065
Doanh thu bán hàng hóa	1.975.226.637	3.025.460.542
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.279.963.636	2.549.709.093
Cộng	<u>113.593.660.558</u>	<u>109.095.573.940</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	98.567.980	22.500.000
Doanh thu thuần	<u>113.495.092.578</u>	<u>109.073.073.940</u>
<i>Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan</i>		
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	10.397.030.875	435.364.546
Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang	5.914.597.836	4.737.784.554
Cộng	<u>16.311.628.711</u>	<u>5.173.149.100</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	2020	2019
	VND	VND
Giá vốn của hoạt động xây dựng cầu	42.689.461.965	67.874.605.600
Giá vốn bán thành phẩm	49.780.658.209	16.011.979.276
Giá vốn bán hàng hóa	1.773.580.560	2.760.561.445
Giá vốn cung cấp dịch vụ	651.093.973	925.270.735
(Hoàn nhập)/Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(67.902.705)	852.150.233
Cộng	94.826.892.002	88.424.567.289

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	2020	2019
	VND	VND
Lợi nhuận từ Công ty TNHH Liên Doanh Antraco (i)	18.986.566.937	16.264.120.697
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	63.090.012	807.448.592
Lợi nhuận được chia	-	18.942.425
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	52.510.094	7.423.776
Cộng	19.102.167.043	17.097.935.490

Trong đó, doanh thu tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan

Công ty TNHH Liên doanh Antraco	19.027.205.827	16.960.566.725
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên	17.694.444	70.972.222
Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang	583.333	55.478.536
Cộng	19.045.483.604	17.087.017.483

(i) Lợi nhuận được ghi nhận theo tỷ lệ sở hữu của Công ty trong kết quả kinh doanh trong năm đã được kiểm toán của Công ty TNHH Liên doanh Antraco. Giá trị ghi nhận đã được đối chiếu và xác nhận bởi công ty liên doanh.

4. Chi phí tài chính

	2020	2019
	VND	VND
Chi phí lãi vay	1.197.003.764	2.106.597.466
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	59.209.489	4.250.520
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối năm	11.840.705	-
(Hoàn nhập)/Dự phòng đầu tư vào công ty con	(142.270.020)	748.430.016
Cộng	1.125.783.938	2.859.278.002

Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với bên liên quan

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP	273.554.696	552.534.245
--	-------------	-------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	2020 VND	2019 VND
Chi phí hoa hồng bán hàng	1.530.597.000	987.109.000
Chi phí vật liệu bao bì	2.653.944	22.895.000
Chi phí vận chuyển, thử tải	514.790.976	920.318.604
Chi phí bảo hành	88.854.392	47.560.575
Chi phí bằng tiền khác	55.575.000	57.963.118
Cộng	<u>2.192.471.312</u>	<u>2.035.846.297</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.194.757.905	10.628.849.592
Chi phí đồ dùng văn phòng	93.039.246	88.001.104
Chi phí khấu hao tài sản cố định	411.742.504	664.125.266
Thuế, phí và lệ phí	1.016.468.898	1.226.449.780
Chi phí dự phòng	135.248.226	131.727.174
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.402.044.301	1.038.470.875
Chi phí bằng tiền khác	1.166.620.665	1.317.103.924
Cộng	<u>14.419.921.745</u>	<u>15.094.727.715</u>

7. Thu nhập khác

	2020 VND	2019 VND
Thu hồi nợ đã xóa sổ	354.138.000	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản	11.680.211	-
Thu hỗ trợ thực hiện đề án khuyến nông quốc gia	-	195.000.000
Thu nhập khác	100.953.025	34.323.987
Cộng	<u>466.771.236</u>	<u>229.323.987</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2020 VND	2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	20.498.756.858	17.893.432.813
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Thu nhập không chịu thuế	(18.986.566.937)	(16.283.063.122)
Các khoản chi phí không được khấu trừ	686.192.079	1.289.597.150
Thu nhập chịu thuế	2.198.382.000	2.899.966.841
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	439.676.400	579.993.368
Thuế TNDN được giảm (i)	(131.902.920)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	307.773.480	579.993.368

(i) Đây là số thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm theo Nghị định số 114/ 2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020. Theo đó, giảm 30% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2020 VND	2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	67.129.165.861	63.745.594.259
Chi phí nhân công	20.977.750.455	16.829.915.147
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.953.099.268	2.015.247.308
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.652.265.629	7.144.688.036
Chi phí khác bằng tiền	1.965.649.977	2.356.586.789
Cộng	99.677.931.190	92.092.031.539

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động

	2020 VND	2019 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm	1.590.106.264	1.804.096.816

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Trong vòng một năm	1.990.789.752	1.990.789.752
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	7.963.159.008	7.963.159.008
Sau năm năm	11.859.178.277	13.849.967.847
Cộng	21.813.127.037	23.803.916.607

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Cam kết thuê hoạt động (tiếp theo)

Các khoản thanh toán thuê hoạt động bao gồm:

- Tổng số tiền thuê 8.052 m² đất tại phường Mỹ Quý, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 3.776,6 m² đất tại phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 21 tháng 5 năm 2008.
- Tổng số tiền thuê 18.577,4 m² đất tại phường Bình Khánh, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 5 tháng 1 năm 2001.
- Tổng số tiền thuê 89,8 m² đất tại phường Mỹ Long, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Thời hạn của hợp đồng thuê đất là 30 năm tính từ ngày 11 tháng 4 năm 2008.

2. Cam kết không hủy ngang

Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2018/BCC-TCTC-CKAG ngày 8 tháng 4 năm 2018 và phụ lục hợp đồng ngày 3 tháng 10 năm 2018 (gọi chung là Hợp đồng BCC) với Công ty TNHH Toyota Cần Thơ (TCTC) để thực hiện dự án đầu tư Xây dựng Trung tâm bảo dưỡng và bán lẻ xe oto. Theo hợp đồng BCC và giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư số 5414883082 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp lần đầu ngày 18 tháng 4 năm 2017 và sửa đổi lần 2 ngày 22 tháng 10 năm 2018, dự án được thực hiện bởi hai nhà đầu tư là Công ty và TCTC, trong đó Công ty góp bằng tài sản trên đất trị giá 2,5 tỷ đồng và TCTC góp tiền mặt để thực hiện xây dựng và cải tạo hoặc trang bị cho công trình tại mặt bằng để thực hiện dự án. Thời hạn hoạt động của dự án là từ ngày 22 tháng 10 năm 2018 đến ngày 05 tháng 01 năm 2031 (ngày kết thúc thời hạn thuê đất). Sau khi tài sản trên đất được xây dựng, cải tạo hoặc trang bị xong sẽ được chuyển giao cho TCTC và do TCTC toàn quyền quản lý và sử dụng cho các mục tiêu của dự án cho đến khi chấm dứt thời hạn.

Không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của dự án, Công ty được hưởng một khoản doanh thu được chia cố định (chưa bao gồm VAT) là 2 tỷ đồng/năm trong vòng 5 năm đầu tiên của thời hạn và kể từ năm thứ 6 trở đi, định kỳ 3 năm một lần, hai bên sẽ thỏa thuận lại giá trị khoản doanh thu cố định chia cho Công ty nhưng mức tăng không vượt quá 10% giá trị của khoản doanh thu cố định được hưởng của giai đoạn liền kề trước đó.

3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP
Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên
Công ty TNHH Liên doanh Antraco

Mối quan hệ

Cổ đồng
Công ty con
Công ty con
Công ty liên doanh

Ngoài các giao dịch đã được trình bày ở các thuyết minh trên, trong năm, Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	2020 VND	2019 VND
Tổng Công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP		
Trả tiền vay	2.497.857.049	3.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (tiếp theo)

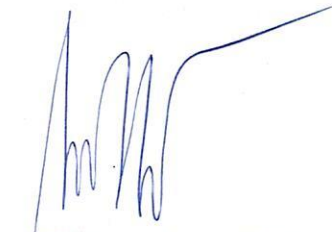
	2020 VND	2019 VND
Công ty TNHH MTV Cơ khí Long Xuyên		
Mua hàng hóa, dịch vụ	8.629.781.935	668.003.729
Công ty TNHH MTV Cầu đường Cơ khí An Giang		
Mua hàng hóa, dịch vụ	997.330.211	11.870.667.480
Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm		
	2020 VND	2019 VND
Lương và các khoản phúc lợi khác	2.106.746.300	2.105.453.782
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát trong năm		
	2020 VND	2019 VND
Thù lao và các khoản phúc lợi khác	280.500.000	282.000.000

4. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm.



Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Người lập biểu



Phan Thị Ngọc Lan Thanh
Phụ trách kế toán



Nguyễn Chí Thành
Giám đốc

Ngày 23 tháng 3 năm 2021

Văn phòng CÔNG TY

Tầng 15, Tòa nhà Center Building - Hapulico Complex
1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung
Quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội

☎ (024) 6664 2777

☎ (024) 6664 3777

✉ contact@icpa.vn

Chi nhánh SÀI GÒN

Tầng 4, Tòa nhà Hải Âu TIC
39B Trường Sơn, Phường 4
Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh

☎ (028) 7303 2007

☎ (028) 3547 2579

✉ saigon@icpa.vn

Chi nhánh MIỀN TRUNG

Tầng 9, Tòa nhà Viettel
Đại lộ Lê Lợi, Phường Đông Hưng
TP. Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

☎ (0237) 375 8959

☎ (0237) 375 8959

✉ mientrung@icpa.vn

Chi nhánh NGHỆ AN

Tầng 18, Tòa nhà Dầu khí Nghệ An
7 Quang Trung, Phường Quang Trung
TP. Vinh, Tỉnh Nghệ An

☎ (0225) 379 7268

☎ (0225) 379 7269

✉ nghean@icpa.vn

HEAD Office

15th Floor, Center Building - Hapulico Complex
1 Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Trung Ward
Thanh Xuan District, Ha Noi

☎ (+84 24) 6664 2777

☎ (+84 24) 6664 3777

✉ contact@icpa.vn

SAI GON Branch

4th Floor, Hai Au TIC Building
39B Truong Son, Ward 4
Tan Binh District, Ho Chi Minh City

☎ (+84 28) 7303 2007

☎ (+84 28) 3547 2579

✉ saigon@icpa.vn

CENTRAL Branch

9th Floor, Viettel Building
Le Loi Boulevard, Dong Huong Ward
Thanh Hoa City, Thanh Hoa Province

☎ (+84 237) 375 8959

☎ (+84 237) 375 8959

✉ mientrung@icpa.vn

NGHE AN Branch

18th Floor, Petrol Nghe An Building
7 Quang Trung, Quang Trung Ward
Vinh City, Nghe An Province

☎ (+84 225) 379 7268

☎ (+84 225) 379 7269

✉ nghean@icpa.vn

icpa.vn

iCPA

since 2001